

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày : 17/4/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Phan Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 & 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Mỹ L; có mặt

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phở C; có mặt

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bùi Văn T; có mặt

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Bà Hoàng Thị Mỹ L, và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ gia đình, nên bà L cho bà C vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1, ngày 10/04/2014 số tiền: 844.600.000 đồng (Tám trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) tương đương 40.000 USD (Bốn mươi ngàn đô la Mỹ);

Lần 2, ngày 17/05/2014 số tiền: 211.900.000 đồng (Hai trăm mười một triệu chín trăm ngàn đồng) tương đương 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ);

Lần 3, ngày 13/06/2014 số tiền: 227.300.000 (Hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tương đương 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ);

Lần 4, ngày 13/08/2014 số tiền: 213.300.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu ba trăm ngàn đồng) tương đương 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ);

Tổng cộng bà C đã vay của vợ chồng ông bà số tiền Việt là: 1.496.100.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng) tương đương 70.000 USD (Bảy mươi ngàn đô la Mỹ). Do giai đoạn này, bà C đang ở Singapore, nên để thuận tiện cho việc thanh toán theo yêu cầu của bà Phở C, hai bên đã thống nhất quy đổi tiền Việt Nam thành Đô La Mỹ và lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.

Ngày 28/01/2016, theo yêu cầu của vợ chồng bà, bà C đã viết cam kết xác nhận số tiền đã vay tương đương 70.000 USD (Bảy mươi ngàn đô la Mỹ) và số tiền lãi chưa trả tương đương 8.400 USD (Tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ). Bà C cam kết chậm nhất ngày 13/03/2016 sẽ trả hết số tiền vay vốn và tiền lãi; đồng thời đưa cho vợ chồng bà cầm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà C đứng tên sở hữu tại địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán, bà C cố tình trốn tránh không trả nợ.

Do đó, phía nguyên đơn đề nghị tuyên buộc bà C phải trả lại số tiền bà C đã xác nhận và cam kết đồng ý trả tương đương 78.400 USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử, phía Nguyên đơn không yêu cầu bà C phải trả tiền lãi. Yêu cầu bà C trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà C không trả thì phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày bà C thực tế trả hết số tiền nợ vay nói trên.

Phía Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phở C và Người đại diện theo ủy quyền của bà C - Bà Cao Thị Huyền T trình bày:

Bà C xác nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu theo giấy vay tiền ngày 28/01/2016. Bà C đồng ý trả số tiền 78.400 USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được nợ. Đề nghị phía nguyên đơn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại

Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vì bà C không cầm cố, thế chấp căn nhà này cho bà L, mặt khác, căn nhà này không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà C.

Ông Bùi Văn T, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử.

- *Về việc xác định quan hệ tranh chấp*: Tòa án nhân dân Quận 2 đã xác định đúng tranh chấp vụ án.

- *Về thụ lý và thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân Quận 2 đã chuyển Thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn đến Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng khác*: Tòa án nhân dân Quận 2 đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Về xác minh, thu thập, giao nộp chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo đúng thời gian, địa điểm, thành phần, trình tự và lập biên bản đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng*: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đảm bảo đúng quy định tại Chương X Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 68, 69, 70, 71, 72, 75 và 76 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 78.400 USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử, không yêu cầu tính lãi. Phía bị đơn đồng ý trả số tiền trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự ý kiến của hai bên.

Phía Nguyên đơn hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do việc cầm cố, thế chấp không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử buộc phía nguyên đơn phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở trên cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 2. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân Quận 4 có quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2017/QĐST-DS ngày 03/4/2017. Ngày 20/6/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 560/2017/QĐPT hủy Quyết định tạm đình chỉ, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận 4 tiếp tục giải quyết vụ án. Ngày 10/11/2017, Tòa án nhân dân Quận 4 có Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 33/2017/QĐST-DS đến Tòa án nhân dân Quận 2 để giải quyết theo thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy cam kết về việc mượn trả tiền ngày 28/01/2016, được phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Quá trình vay mượn, các bên thống nhất quy đổi thành tiền đô la Mỹ. Mặc dù, việc vay mượn tiền bằng tiền đô la Mỹ không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các bên thống nhất được số tiền đã vay là 78.400 USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), và đều đồng ý quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử. Phía bị đơn đồng ý trả số tiền trên, nhưng đề nghị trả chậm do khó khăn. Phía nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu phía bị đơn phải thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên

đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với khoản vay nêu trên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 78.400 USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử, thì hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có cơ sở để chấp nhận. Tỷ giá đồng đô la Mỹ ngày 17/4/2018 niêm yết tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, 1 USD tương đương 22.770đồng. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả là 1.785.168.000đồng.

Quá trình vay tiền, phía bị đơn thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BR 364447, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 03058 ngày 26/2/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, nguyên đơn không được cấp phép kinh doanh tiền tệ, do đó việc cho vay bằng tiền đô la Mỹ vi phạm quy định của pháp luật, hợp đồng cho vay vô hiệu. Mặt khác, việc thế chấp giữa các bên không được công chứng và đăng ký theo quy định của pháp luật. Do đó, phía nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất tại số Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 471, 474, và Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 22 pháp lệnh ngoại hối năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Mỹ L: Buộc bị đơn – Bà Nguyễn Thị Phổ C phải trả cho bà Hoàng Thị Mỹ L số tiền 78.400USD (bảy mươi tám ngàn bốn trăm đô la Mỹ), quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử, tương ứng với số tiền 1.785.168.000đồng.

2. Buộc bà Hoàng Thị Mỹ L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Phổ C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BR 364447, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 03058 ngày 26/2/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với nhà đất Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phổ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 89.555.040đồng (*tám mươi chín triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn, không trăm bốn mươi đồng*).

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Mỹ L số tiền 33.362.000đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0007043 ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hiếu